TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 03/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ngọc Bột.

2. Ông Lê Văn Những.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 30/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu A, sinh năm 1980;

Bị đơn: Ông Phạm Hoài N, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Ấp Bình Tây 1, xã B, huyện M, tỉnh L.

Bà A có mặt; ông N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu A: Bà Lê Thị Thu A yêu cầu ly hôn với ông Phạm Hoài N; về con chung, có hai chung tên là Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày 24/12/1998 và Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 09/10/2001, hai con chung đã lớn nên bà A không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, nợ chung, bà A không yêu cầu giải quyết. Về án phí, bà A đồng ý chịu toàn bộ án phí.

Yêu cầu, đề nghị của ông Phạm Hoài N: Ông Phạm Hoài N không đồng ý ly hôn.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Lê Thị Thu A cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà A (photo); giấy khai sinh (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); đơn xin xác nhận nơi cư trú.

Chứng cứ do ông Phạm Hoài N cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Các đương sự trình bày thống nhất: Bà A và ông N đến với nhau do mai mối, có tổ chức lễ cưới vào năm 1997 nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh L. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Vợ chồng có hai chung tên là Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày 24/12/1998 và Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 09/10/2001. Bà A và ông N chung sống đến năm 2018 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do ông N đánh đập bà A, bà A đã bỏ nhà đi ra ngoài sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn ai quan tâm lẫn nhau. Bà A yêu cầu không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử của tòa án.

Các đương sự trình bày không thống nhất:

Bà A trình bày: Mâu thuẫn phát sinh do ông N ghen tuông vô cớ với bà A nên thường xuyên dùng lời lẽ nhục mạ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà A, thậm chí nhiều lần đánh và hăm dọa giết bà A. Bà A đã nhiều lần cho cơ hội nhưng ông N vẫn không thay đổi. Bà A không còn quan tâm ông N. Nay bà A xác định không còn tình cảm với ông N nên xin ly hôn.

Ông N trình bày: Ông N xác định là vẫn còn thương bà A. Ông N không ghen tuông vô cớ với bà A mà do ông N nghe lời người khác nên ông N có lời lẽ nặng nề với bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:* Bà Lê Thị Thu A và ông Phạm Hoài N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh L và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà A khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông Phạm Hoài N: Ông Phạm Hoài N vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông N.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thu A:

Bà Lê Thị Thu A và ông Phạm Hoài N thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N ghen tuông vô cớ với bà A nên thường xuyên dùng lời lẽ nhục mạ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà A, thậm chí nhiều lần đánh và hăm dọa giết bà A. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất về mức độ trầm trọng của mâu thuẫn. Xét lời trình bày của bà A được ông N thừa nhận thì giữa hai người không có sự tin tưởng với nhau; ông N nhiều lần đánh đập bà A và còn dùng nhiều lời lẽ nhục mạ bà A, thậm chí đòi giết bà A; hai người hiện đã sống ly thân hơn 01 năm; ông N không đưa ra biện pháp hàn gắn; bà A xác định không còn tình cảm với ông N; bà A cho rằng ông N không có khả năng thay đổi vì nhiều lần ông N hứa hẹn nhưng vẫn tái diễn; bà A không chấp nhận bất cứ biện pháp hàn gắn nào của ông N đưa ra để hàn gắn tình cảm; bà A khẳng định từ lâu đã không còn quan tâm đến cuộc sống hay chăm sóc ông N. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân chỉ đạt được khi cả hai bên có tình cảm với nhau, cùng nhau thương yêu quan tâm giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển trong cuộc sống. Hôn nhân sẽ không bao giờ bền vững nếu gượng ép và một trong hai bên không có tình cảm với nhau. Từ những sự việc trên, có cơ sở khẳng định tình trạng mâu thuẫn của bà A và ông N là trầm trọng; tình nghĩa vợ chồng giữa bà A và ông N không còn; cả hai không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cũng như không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; việc chung sống giữa bà A và ông N nếu gượng ép sẽ lâm vào tình trạng rất trầm trọng, dù có miễn cưỡng quay về chung sống thì đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông N.

[4]. Về con chung*:* Con chung Phạm Thị Tuyết N, sinh ngày 24/12/1998 đã trên 18 tuổi; con chung Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 09/10/2001 cũng đã gần đủ 18 tuổi (17 tuổi 09 tháng); bà A và ông N đều không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Xét thấy, khi con chung đủ 18 tuổi thì tự quyết định muốn sống chung với cha hoặc mẹ nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thu A và ông Phạm Hoài N thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Bà Lê Thị Thu A phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Lê Thị Thu A đối với ông Phạm Hoài N, cho bà A được ly hôn với ông N.

Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 59 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung và con chung trong vụ án này.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Lê Thị Thu A phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân- gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai số 0001489 ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, bà A đã nộp đủ án phí.

Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Bà Lê Thị Thu A có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Hoài N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND xã B, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Liêm